

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày: 27 - 6 - 2024
V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Em

Ông Trần Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mỹ Diện, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thị V, sinh năm: 1960. Có mặt

Địa chỉ: Khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh H.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1970. Có mặt

Địa chỉ: Khu vực B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Tô Thị V trình bày:

Bà V có tham gia hui do bà Trần Thị T làm chủ, hui mở ngày 16/11/2015, hui 10 ngày mở 01 kỳ với số tiền 3.000.000 đồng, hui có 60 phần tham gia, bà V

tham gia 02 chân. Bà V đã đóng được 38 kỳ với số tiền 228.000.000 đồng (2 x 38 x 3.000.000 đồng = 228.000.000 đồng). Đến ngày 06/12/2016 thì bà T tuyên bố vỡ hụi, sau khi tuyên bố vỡ hụi bà T có trả dần cho bà V được số tiền 85.000.000 đồng, bà T còn nợ lại bà V 143.000.000 đồng. Bà T trừ vào hụi chết bà V còn nợ lại 20.000.000 đồng (chân hụi 2.000.000 đồng, bà V tham gia 02 chân, còn 5 lần hụi chết với số tiền 20.000.000 đồng). Hiện nay bà T còn nợ lại bà V số tiền hụi là 123.000.000 đồng.

Nay bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T trả cho bà V số tiền hụi 123.000.000 đồng

Bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà T thừa nhận có mở hụi và làm chủ dây hụi ngày 16/11/2015, loại hụi 10 ngày mở 01 kỳ với số tiền 3.000.000 đồng, hụi có 60 phần tham gia, bà V tham gia 02 chân và đóng được 38 kỳ. Do các hụi viên khác không đóng hụi cho bà T nên bà T tuyên bố vỡ hụi. Sau khi tuyên bố vỡ hụi bà T có trả cho bà V số tiền 85.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà V có tham gia 01 dây hụi 2.000.000 đồng do bà T làm chủ, bà V tham gia 02 chân và đã hốt hết 02 chân, hiện nay bà V còn thiếu lại 5 lần hụi chết với số tiền 20.000.000 đồng.

Khi tuyên bố vỡ hụi các hụi viên khác cũng đồng ý cho bà T trả lại số tiền vốn đã đóng. Phần tiền hụi sống bà V đóng cho bà T 170.260.000 đồng trừ vào số tiền đã trả 85.000.000 đồng và 20.000.000 đồng hụi chết thì bà T chỉ còn thiếu bà V 65.260.000 đồng.

Nay bà V yêu cầu bà T trả số tiền hụi 123.000.000 đồng thì bà T không đồng ý. Bà T chỉ đồng ý trả cho bà V số tiền hụi sống là 65.260.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hụi 123.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà V yêu cầu bà T trả lại số tiền hui còn nợ là 123.000.000 đồng (phần tiền hui bà V đóng 38 kỳ 228.000.000 đồng trừ lại 85.000.000 đồng bà T trả dần cho bà V và 20.000.000 đồng tiền hui chết bà V thiếu bà T). Bà V không thống nhất theo yêu cầu của bà T và cho rằng sau khi tuyên bố vỡ hui các hui viên khác cũng đồng ý cho bà T trả lại số tiền hui sống đã đóng, cụ thể bà V đóng 38 lần với số tiền 170.260.000 đồng, trừ lại 85.000.000 đồng bà T đã trả dần cho bà V và 20.000.000 đồng tiền hui chết bà V thiếu bà T. Bà T chỉ đồng ý trả lại cho bà V số tiền 65.260.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà V và bà T thống nhất có thỏa thuận giao dịch hui với nhau, loại hui 3.000.000 đồng mở ngày 16/11/2015, bà T là chủ hui, bà V là hui viên và có đóng cho bà T 38 lần hui. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T cho rằng giao dịch hui được thực hiện đến lần thứ 38 thì bà T tuyên bố vỡ hui do các hui viên khác không đóng hui chết cho bà T nên bà T không có khả năng chi trả tiền hui cho bà V. Xét thấy, theo khoản 3, 4 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, bêu, phùng quy định nghĩa vụ của chủ họ (hui) *“Giao các phần họ cho thành viên lãnh họ tại mỗi kỳ mở họ; Nộp thay phần họ của thành viên nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*. Do đó, bà T cho rằng do các hui viên khác không đóng hui cho bà T nên bà T không trả lại tiền hui cho bà V là không có cơ sở để xem xét.

Tại phiên tòa các đương sự thừa nhận số tiền hui sống bà V đóng cho bà T là 170.260.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi giao dịch hui được xác lập các đương sự đã thống nhất thỏa thuận lẫn với nhau thì giao dịch hui này là loại hui có lãi, căn cứ theo điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, bêu, phùng quy định *“Thành viên trong họ có lãi có quyền hưởng lãi từ thành viên lãnh họ”* và khoản 1 Điều 21 quy định *“Lãi suất trong họ có lãi do các thành viên của dây họ thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lãnh họ tại mỗi kỳ mở họ..”*

Do đó, bà T không đồng ý trả lại số tiền hui chết (hui có lãi) 228.000.000 đồng theo yêu cầu của bà V mà chỉ đồng ý trả lại số tiền hui sống (hui không có lãi) bà V đóng 170.260.000 đồng là không có cơ sở để xem xét.

Tại phiên tòa bà V đồng ý khấu trừ lại số tiền bà T đã trả dần cho bà V 85.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền hui chết bà V thiếu bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 123.000.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Trần Thị T phải chịu số tiền 6.150.000 đồng. Nguyên đơn Tô Thị V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.075.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 18, Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, bêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tô Thị V đối với bị đơn Trần Thị T.

2. Buộc bị đơn Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Tô Thị V số tiền hui còn nợ là 123.000.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Trần Thị T phải chịu số tiền 6.150.000 đồng (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Nguyên đơn Tô Thị V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.075.000 đồng (ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo lai thu số 0007816, ngày 07/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn Tô Thị V, bị đơn Trần Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/6/2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Em - Trần Văn Út

Nguyễn Đình Tiến

